

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2017/HSST
Ngày 28 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Nhà văn hóa Thôn V, xã T, huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2017/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2017/HSST-QĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Đồng Xuân Q sinh năm 1979 tại thành phố H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường Đ, quận H, thành phố H; nơi ở: Tổ dân phố L, phường Đ, quận N, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Xuân Y (đã chết) và bà Vũ Thị C sinh năm 1955; có vợ là Hoàng Thị B (đã ly hôn), chưa có con. Tiền án: - Bản án số 21/HSST ngày 14/3/2000 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H xử phạt 39 tháng tù về tội Cướp tài sản (đã xóa án tích); - Bản án số 183/HSST ngày 21/11/2003 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xử phạt 60 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã xóa án tích); - Bản án số 82/HSST ngày 23/7/2008 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xử phạt 30 tháng tù tội về Cố ý làm hư hỏng tài sản (đã xóa án tích). Tiền

sự: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 7 năm 2017 đến ngày 17 tháng 7 năm 2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

2. Phạm Thị Lệ T sinh năm 1978 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13 đường V, phường T, quận H, thành phố H; nơi ở: Tổ dân phố L, phường Đ, quận N, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ánh D (đã chết) và bà Thạch Thị T sinh năm 1955; có chồng là Phạm Quang T, có 01 con sinh năm 2006. Tiền án: - Bản án số 41/HSST ngày 24/12/2003 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 42 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chưa xóa án tích); - Bản án số 32/HSST ngày 11/3/2009 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội Chứa mại dâm (chưa xóa án tích). Tiền sự: Không có. Bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 7 năm 2017 đến ngày 17 tháng 7 năm 2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng Xuân Q và Phạm Thị Lệ T có quan hệ tình cảm nên thuê phòng số 204 của nhà nghỉ T thuộc quận N để làm nơi ở từ ngày 04/7/2017. Do bản thân Q và T đều nghiện ma túy nên cả hai đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời. Q là người trực tiếp đi mua ma túy ở khu vực đường tàu nội thành. Tại nhà nghỉ, Q và T cùng chia nhỏ và đóng gói ma túy. Loại ma túy Q và T bán là hêrôin, giá bán một gói từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Việc giao dịch mua bán ma túy chủ yếu là qua điện thoại, hai bên thỏa thuận số lượng, giá cả, địa điểm giao dịch mua bán ma túy rồi Q và T cùng nhau đi giao ma túy cho người mua. Q và T bắt đầu bán ma túy từ ngày 07/7/2017, đã bán ma túy cho nhiều người nghiện nhưng không nhớ chính xác là ai, thời gian bán ma túy cụ thể. Q và T nhớ đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng Cao Văn H sinh năm 1986 ở xã L, huyện T; Nguyễn Văn B sinh năm 1985 ở xã T, huyện T; Đào Văn Đ sinh năm 1987 ở xã T, huyện T; Cù Thanh X sinh năm 1988 ở xã L, huyện T, thành phố H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 07/7/2017, Q và T bán cho H và B 01 gói ma túy với giá 250.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 08/7/2017, Q và T bán cho H và Đ 01 gói ma túy với giá 280.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ 30 ngày 10/7/2017, Q và T bán cho H và X 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng.

Lần thứ tư: Sáng ngày 11/7/2017, Q mua 01 gói hêrôin với giá 500.000 đồng rồi mang về chia nhỏ được 04 gói. Q và T sử dụng hết 01 gói, còn lại 03 gói. Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, Q và T bán cho H và B 01 gói với giá 300.000 đồng thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Thu giữ của H 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng và 01 điện thoại di động; thu giữ của Q 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng, 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô BKS 29M7-0828; thu giữ của T 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất bột màu trắng, 01 điện thoại di động và số tiền 300.000 đồng. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Q và T tại phòng số 204 nhà nghỉ T tại phường Đ, quận N, thành phố H, thu giữ 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng và 02 tẩu tự cuốn đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 879/PC54 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố H kết luận: 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng thu của H có trọng lượng 0,0264 gam trong đó trọng lượng hêrôin là 0,0169 gam; 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng thu của Q có trọng lượng 0,0854 gam trong đó trọng lượng hêrôin là 0,0854 gam; 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng thu của T có trọng lượng 0,1183 gam trong đó trọng lượng hêrôin là 0,0747 gam.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Đồng Xuân Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Thị Lệ T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Q và T đã có hành vi cùng nhau bán trái phép ma túy nhiều lần cho nhiều người nghiện để kiếm tiền vào các ngày 07, 08, 10, 11/7/2017. Bị cáo T đã có hai tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Với hành vi nêu trên theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự bị cáo Q đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần”; theo điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự bị cáo T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần” và “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Q và T đồng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Q từ 08 năm tù đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 11 tháng 7 năm 2017. Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 09 năm tù đến 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 11 tháng 7 năm 2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì chứa chất ma túy còn lại sau giám định, 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng và 02 tẩu tự cuốn đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng, tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 03 điện thoại di động; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo.

Các bị cáo Q và T khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, do đều nghiện ma túy nên cả hai bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời, các bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Q và T đã có hành vi cùng nhau bán trái phép ma túy (hêrôin) cho nhiều người nghiện để kiếm tiền vào các ngày 07, 08, 10 và 11/7/2017. Bị cáo T có hai tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Hành vi của các bị cáo là cố ý và nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của

Nhà nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ, vi phạm Luật phòng chống ma túy, tệ nạn ma túy được xác định là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và đặc biệt hiện nay loại tội phạm này xảy ra rất phổ biến gây nhiều bức xúc trong nhân dân nên việc đưa các bị cáo ra xét xử lưu động nhằm tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về tác hại của ma túy, sự nguy hiểm của hành vi phạm tội về ma túy và có hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật là rất cần thiết. Bị cáo Q đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội nhiều lần” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H.

Đây là vụ án đồng phạm. Phân hóa vai trò, vị trí đồng phạm xét thấy: Bị cáo Q là người đề xuất việc bán ma túy để kiếm tiền và là người đi mua ma túy, bị cáo Q và bị cáo T cùng nhau chia nhỏ ma túy để bán và cùng nhau đi bán ma túy. Đó đó bị cáo Q có vị trí, vai trò cao hơn bị cáo T.

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Song cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc các bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: 03 phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định, 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng và 02 tẩu tự cuốn đã qua sử dụng xác định là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước; 03 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Q, bị cáo T và Cao Văn H dùng để liên lạc trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 830.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có (mỗi bị cáo 415.000 đồng).

Trong vụ án này, các đối tượng Cao Văn H, Nguyễn Văn B, Đào Văn Đ, Cù Thanh X có hành vi mua ma túy của các bị cáo Q và T để sử dụng nhưng do lượng ma túy công an thu giữ của H và B không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự và không thu giữ được lượng ma túy của Đ và X nên Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với các đối tượng trên. Đối tượng bán ma túy cho bị cáo Q, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên không có cơ sở điều tra. Đối với chiếc xe mô tô BKS 29M7-0828 thu giữ của bị cáo Q, quá trình điều tra bị cáo Q khai mua chiếc xe trên của một người không quen biết với giá 2.000.000 đồng tại khu vực nội thành vào năm 2015, không có giấy tờ mua bán. Theo Bản kết luận giám định số 218 ngày 13/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô BKS 29M7-0828 có số khung, số máy tẩy xóa, không xác định được số khung và số máy nguyên thủy của nhà sản xuất đã bị tẩy xóa trước đó. Do không xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Đồng Xuân Q và Phạm Thị Lệ T đồng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Xuân Q 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2017.

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2017.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong chất ma túy còn lại sau giám định, 01 lọ nước cất chưa qua sử dụng và 02 tủ tự cuốn đã qua sử dụng; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 03 điện thoại di động đã qua sử dụng (theo Biên lai thu tiền số 0000727 ngày 16/11/2017; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2018/19 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng). Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 415.000 đồng của bị cáo Đồng Xuân Q, truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 415.000 đồng của bị cáo Phạm Thị Lệ T.

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Đồng Xuân Q và Phạm Thị Lệ T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã